

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-PT  
Ngày: 29 tháng 01 năm 2026  
*V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất và kiện đòi tài sản là giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chuyền

**Các thẩm phán:** Ông Phạm Văn Tú

Bà Triệu Thị Luyện

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và kiện đòi tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 97/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn R, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

**- Bị đơn:**

1. Ông Lương Văn T, sinh năm 1969;

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

**Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S:** bà Võ Thị An B, sinh năm 1982; địa chỉ: số I đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S:* Luật sư Hoàng Thị Bích L1, Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: số I đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn R, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

*Bà L, ông T1, bà B, bà L1 có mặt; ông T, bà S vắng mặt.*

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2025, các biên bản khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L trình bày:* Bà Nguyễn Thị S là di ruột của chị, ông Lương Văn T (chồng bà S) là cậu ruột của chồng chị đã chiếm giữ những tài sản sau của vợ chồng chị.

- Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của chị đã chết ngày 15/02/2024. Trước khi chết Bà Nguyễn Thị N có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tại Thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số seri S797575 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02041 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/10/2001. Do bà Nguyễn Thị N có một mình chị là con duy nhất, ngoài ra không còn người con nào khác. Ngày 25 tháng 3 năm 2024, cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký biến động quyền sử dụng đất nêu trên sang tên chị. Đất thuộc quyền sử dụng của chị. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông Lương văn T và bà Nguyễn Thị S vẫn đang chiếm giữ GCNQSDĐ,

- Ngày 6 tháng 3 năm 2024, vợ chồng ông Lương Văn T bà Nguyễn Thị S đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị, thửa đất chuyển nhượng là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Diện tích 110,0m<sup>2</sup>; Đất ở: 40,0m<sup>2</sup> và Đất CLN: 70,0m<sup>2</sup>. Hiện nay dù đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đất đã đứng tên vợ chồng chị nhưng ông T và bà S vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chiếm giữ đất, không bàn giao trả cho chị mặc dù chị đã đòi nhiều lần nhưng ông T bà S không trả.

- Mẹ ruột chị là Bà Nguyễn Thị N trước đây đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan có nhiều lần gửi tiền về cho chị qua tài khoản của bà Nguyễn Thị S (số TK 2510205470349) và tài khoản của con trai bà S là anh Lương Văn T2 (số TK 8317102004). Tổng số tiền là 994.000.000 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu đồng). Cụ thể các lần gửi như sau:

- Ngày 04/6/2021 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 70.000.000 đồng
- Ngày 05/7/2021 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng
- Ngày 24/9/2021 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 52.000.000 đồng
- Ngày 27/4/2022 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000 đồng

- Ngày 13/11/2022 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 30.000.000 đồng (do anh Phạm Quốc V chuyển khoản hộ)

- Ngày 16/5/2023 gửi vào TK bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000 đồng (do anh Phạm Quốc V chuyển khoản hộ).

- Số USD mẹ chị gửi bà Nguyễn Thị S là 13.000 USD = 330.000.000 VND

- Tiền bảo hiểm của mẹ chị do bà Nguyễn Thị S nhận là 140.000.000 đồng

- Mẹ chị gửi anh Lương Văn T2 (con trai bà S) tổng số 32.000.000 đồng

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị S đang giữ của mẹ chị là 994.000.000 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu đồng).

Chị yêu cầu bà S ông T trả lại:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Diện tích 594,0m<sup>2</sup> đất tại: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số seri S797575 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02041 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/10/2001.

2. Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Diện tích 110,0m<sup>2</sup>. Ngày 29/3/2024 Đăng ký biến động biến động quyền sử dụng đất sang tên Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thùy L.

3. Số tiền 994.000.000 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu đồng).

Ngày 20/8/2025 chị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bà S, ông T số tiền 994.000.000 đồng và rút yêu cầu đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Diện tích 594,0m<sup>2</sup> đất tại: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang vì bà S, ông T đã trả đất và tài sản trên đất chỉ còn giữ Giấy chứng nhận QSDĐ của chị. Tại phiên toà chị vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:* Đối với yêu cầu đòi tiền 994.000.000đ của chị L bà không chấp nhận vì mẹ chị L gửi tiền về trả nợ bà còn không đủ vì vậy bà không chấp nhận trả 994.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bà trả Quyền sử dụng đất với Diện tích 594,0m<sup>2</sup> đất tại: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số seri S797575 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02041 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/10/2001 bà đồng ý trả nhưng chị L phải trả nợ tiền của mẹ chị L và của chị L việc bà đòi nợ số tiền bao nhiêu bà sẽ khởi kiện cùng vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà và vợ chồng anh T1 chị L (trong vụ án khác).

Đối với yêu cầu bà trả Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Diện tích 110,0m<sup>2</sup>; Đất ở: 40,0m<sup>2</sup> và Đất CLN: 70,0m<sup>2</sup>; Ngày 29/3/2024 đăng ký biến động biến động quyền sử dụng đất sang tên

Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thùy L bà không đồng ý vì chị L đã ký chuyển nhượng cho bà, chị L đã lấy 800.000.000đ trong giấy chuyển nhượng đất có một mình chị L ký vào biên bản. Anh T3 chồng chị L có mặt ở đó nhưng không ký. Việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 02/9/2024 (AL) bà sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Tại phiên tòa: bà Nguyễn Thị S xác định bà đang giữ 02 GCNQSDĐ của chị L, anh T3. Cả 02 GCNQSDĐ đều không phải của bà, GCNQSDĐ mảnh đất 594m<sup>2</sup> mang tên Nguyễn Thùy L, GCNQSDĐ mảnh đất 110m<sup>2</sup> và cả nhà đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thùy L.

*Bị đơn ông Lương Văn T trình bày:* ông là chồng của bà Nguyễn Thị S, ông nhất trí với lời trình bày của bà S và không bổ sung gì thêm.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 trình bày:* Anh là chồng của chị Nguyễn Thùy L, anh đồng ý với ý kiến của chị L, anh không bổ sung gì thêm.

Kết quả thẩm định, định giá tài sản trên đất, đất.

01 căn nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 diện tích 68m<sup>2</sup> có giá 3.680.000đ/m<sup>2</sup> x giá trị sử dụng còn lại 13,29% = 30.712.722 đồng.

01 mái hiên lợp Blo xi măng diện tích 14m<sup>2</sup> có giá 245.000đ/m<sup>2</sup> x 13,29% giá trị còn lại = 455.847 đồng.

01 công trình phụ bếp lợp Blo xi măng diện tích 47,2m<sup>2</sup> có giá 245.000đ/m<sup>2</sup> x 13,29% giá trị còn lại = 1.536.855 đồng.

Giá trị tài sản và các công trình trên đất 32.706.424 đồng.

Giá đất ở 7.000.000đ/m<sup>2</sup> x 40m<sup>2</sup> = 280.000.000 đồng.

Đất trồng cây lâu năm 70m<sup>2</sup> x 500.000 đồng/m<sup>2</sup> = 35.000.000 đồng.

Giá trị đất 315.000.000 đồng.

Tổng giá trị đất, tài sản trên đất 347.706.424 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1, Điều 6; Điều 11; khoản 2 Điều 14; Điều 105, Điều 115, Điều 164 Bộ luật Dân sự 2015; Công văn số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của TANDTC giải đáp một số vướng mắc trong xét xử về dân sự; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy L về việc “Tranh chấp QSDĐ và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thùy L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00, tờ bản đồ số 00, số seri S797575 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02041 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/10/2001 diện tích 594,0 m<sup>2</sup> đất tại: địa chỉ: thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang và quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các công trình trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 diện tích 110,0m<sup>2</sup> cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thùy L; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có sơ đồ kèm theo)

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L đòi ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S số tiền 994.000.000 đồng và yêu cầu đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Diện tích 594,0 m<sup>2</sup> đất tại: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các công trình trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 diện tích 110,0m<sup>2</sup> cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thùy L; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

- Bị đơn ông Lương Văn T có văn bản đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị S do bà B đại diện đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời bà rút yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn bà Nguyễn Thị S đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất cũng như GCNQSDĐ của thửa đất có diện tích 110m<sup>2</sup>; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà S.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Về nội dung vụ án: nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và rút yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất cũng như GCNQSDĐ của thửa đất có diện tích 110m<sup>2</sup>; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn ông Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có kháng cáo nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các công trình trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 diện tích 110,0m<sup>2</sup> cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thùy L; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bị đơn ông Lương Văn T có văn bản đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị S có đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị An B cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác nên căn cứ quy định của Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung “Buộc ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thùy L quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các công trình trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 diện tích 110,0m<sup>2</sup> cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thùy L; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang” (nay là thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

[3] Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị S là bà Võ Thị An B đã rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc rút kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 289, Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: ông T, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 10.000.000 đồng chi phí do vẽ, thẩm định, định giá tài sản. Chị Nguyễn Thùy L đã nộp đủ 10.000.000 đồng. Buộc ông T và bà S phải trả chị L 10.000.000 đồng.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 289, Điều 295, Điều 299, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L có nội dung:

Buộc ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thùy L quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các công trình trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 diện tích 110,0m<sup>2</sup> cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thùy L; Địa chỉ: thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S.

3. Buộc ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thùy L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00, tờ bản đồ số 00, số seri S797575 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02041 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/10/2001 diện tích 594,0m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ: thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn R, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

4. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L đòi ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S số tiền 994.000.000 đồng và yêu cầu đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích 594,0m<sup>2</sup> đất tại: thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn R, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả chị Nguyễn Thùy L số tiền 20.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004809 ngày 26/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001387 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

6. Về chi phí tố tụng: ông Lương Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 10.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thùy L được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng khi ông T, bà S nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tú**

**Triệu Thị Luyện**

**Phạm Thị Chuyền**